TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 379/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng T,** sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp N, xã Th, thành Phố T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1977 và **Nguyễn Đăng H,** sinh năm1981, cùng địa chỉ: Số x đường y, khu phố n, phường p, thành phố t, tỉnh b (Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2022).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T1,** sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện N, tỉnh B.

Chị L và anh H có mặt, anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T, tại bản khai, biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Đăng Huy và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Đăng H trình bày:

Ngày 04/6/2022 bà Lê Thị Hồng T có cho anh Nguyễn Ngọc T1 vay số tiền vay gốc là 754.000.000 đồng anh T1 nói vay tiền để làm ăn, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể mà chỉ nói miệng là anh T1 sẽ cho tiền

bà T uống cà phê. Hai bên không có làm hợp đồng vay công chứng chứng thực, bà T chỉ lập giấy viết tay biên nhận mượn tiền cho ông T1 ký nhận nợ, là tờ " Giấy nhận mượn tiền" ghi ngày 04/6/2022 là bà T nộp cho Tòa án. Chữ ký tên và chữ viết họ tên Nguyễn Ngọc T1 bên dưới nội dung "Người mượn" là do anh T1 ký và viết. Nội dung đánh máy tại tờ " Giấy nhận mượn tiền" là do bà T chuẩn bị sẵn, các nội dung còn lại do anh T1 viết. Đến hạn thanh toán tiền, bà T nhiều lần yêu cầu anh T1 trả nợ vay gốc nhưng anh T1 không trả, cũng không có cho bà T tiền cà phê như đã hứa. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 745.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/7/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2022 anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Khoảng 02/2022 anh T1 có vay của bà T số tiền vay gốc là 450.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, hai bên không có thỏa thuận thời hạn vay nhưng thông thường từ khoảng nửa tháng đến một tháng thì phải trả cho bà T tiền vay gốc và lãi cùng một lúc. Anh T1 vay số tiền này của bà T để làm ăn nhưng do công việc làm ăn thất bại nên không trả được nợ vay cho bà T trong vòng một tháng như thông thường, nên trong khoảng thời gian từ sau khi vay là từ khoảng tháng 3/2022 đến nay anh T1 có trả tiền lãi cho bà T ba lần với số tiền tổng cộng là 135.000.000 đồng cụ thể: Từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022 anh T1 trả cho bà T hai lần tiền, một lần trả số tiền 90.000.000 đồng và một lần trả số tiền 30.000.000 đồng, do khi anh T1 trả tiền lãi cho bà T thì trả bằng tiền mặt, đưa cho bà T nhận, hai bên không có lập biên nhận hay ghi vào sổ theo dõi nên anh T1 không nhớ chính xác ngày trả. Ngày 04/6/2022 anh T1 trả cho bà T số tiền lãi là 15.000.000 đồng cũng không có lập biên nhận. Do số tiền anh T1 trả lãi cho bà T chưa đủ do bà T tính lãi cao và anh T1 chưa trả được nợ vay gốc cho bà T nên bà T yêu cầu anh T1 viết giấy nhận nợ, thừa nhận có nợ bà T số tiền nợ vay gốc và lãi là 745.000.000 đồng nếu không ký giấy nhận nợ thì bà T sẽ đến nơi làm việc của anh T1 để tố cáo anh T1, do lo sợ bà T tố cáo đến nơi làm việc nên anh T1 đồng ý ký giấy thừa nhận nợ bà T số tiền 745.000.000 đồng, là Tờ "Giấy nhận mượn tiền" ghi ngày 04/6/2022 mà bà T cung cấp cho Tòa án. Nội dung của "Giấy nhận mượn tiền" ghi ngày 04/6/2022 là do anh T1 viết, chữ ký tên và chữ viết họ tên "Nguyễn Ngọc T1" bên dưới nội dung" người mượn" là do anh T1 ký và viết. Phần nội dung đánh máy là do bà T đánh sẵn. Từ ngày 04/6/2022 đến nay anh T1 không trả thêm khoản tiền nào cho bà T. Trong số tiền 745.000.000 đồng mà bà T yêu cầu thì gồm có 450.000.000 đồng là tiền vay gốc, số tiền 295.000.000 đồng còn lại là tiền lãi mà bà T cộng gộp vào. Anh T1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền vay gốc là 450.000.000 đồng số tiền 295.000.000 đồng là tiền lãi nên tôi không đồng ý trả. Đối với số tiền

lãi 135.000.000 đồng mà anh T1 đã trả cho bà T trước đó, do bà T tính lãi cao, không đúng quy định của pháp luật nên anh T1 yêu cầu Tòa án khấu từ lại, cụ thể là: Tính tiền lãi anh T1 phải trả cho bà T trên số nợ vay gốc là 450.000.000 tínhtừ ngày 01/02/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng, nếu số tiền anh T1 đã đóng lãi cho bà T còn dư thì trừ vào vốn vay gốc anh T1 phải trả cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Hồng T. Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền nợ vay gốc là 745.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/7/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 745.000.000 đồng và tiền lãi nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Ngọc T1 có địa chỉ nơi cư trú tại xã K, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 745.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình thì nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là tờ "Giấy nhận mượn tiền" ghi ngày 04/6/2022 có nội dung "Tôi tên: Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1992.... Hôm nay,

ngày 04/6/2022 (Nhằm ngày 06/5/2022 ÂL). Tôi có mượn tiền của cô Lê Thị Hồng T số tiền là 745.000.000đ (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Thời hạn khoảng 10 ngày. Tôi sẽ trả lại đủ hết cho cô Hồng T số tiền mượn trên...” , bên dưới nội dung ”người mượn” là chữ ký tên và chữ viết họ tên ”Nguyễn Ngọc T1 ”. Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tiền; những nội dung đánh máy của tờ ”Giấy nhận mượn tiền” này là do phía nguyên đơn đánh sẵn, những chữ viết bằng mực màu xanh và chữ ký tên, chữ viết họ tên Nguyễn Ngọc T1 bên dưới nội dung ”người mượn” là do bị đơn ký và viết. Tuy nhiên các bên trình bày không thống nhất về số tiền vay gốc. Tại biên bản lấy lời khai thì bị đơn thừa nhận chỉ vay của nguyên đơn số tiền gốc là 450.000.000 đồng, số tiền 745.000.000 đồng tại ”Giấy nhận mượn tiền” mà nguyên đơn cung cấp là bao gồm có 450.000.000đồng là tiền vay gốc, còn lại 295.000.000đồng là tiền lãi cộng gộp vào, bị đơn cho rằng nguyên đơn ép buộc bị đơn ký giấy nhận nợ 745.000.000 đồng nếu không ký sẽ đến nơi bị đơn làm việc để tố cáo. Lời trình bày này của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là có căn cứ. Từ đó có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay tài sản với số tiền là 745.000.000 đồng.

[2.2] Bị đơn cho rằng sau khi vay số tiền 450.000.000 đồng thì bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền tổng cộng là 135.000.000 đồng, đề nghị khấu trừ số tiền này vào tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn trên số nợ vay gốc là 450.000.000 đồng tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng, sau khi trừ tiền lãi xong nếu còn dư thì khấu trừ vào vốn vay gốc mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Tòa án đã thông báo cho bị đơn nộp đơn yêu cầu phản tố và giao nộp chứng chứng minh cho yêu cầu của bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện. Lời trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không có cở sở để chấp nhận lời trình bày và yêu cầu này của bị đơn.

[2.3] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung của tờ ”Giấy nhận mượn tiền” thể hiện ngày vay là ngày 04/6/2022, thời hạn vay là khoảng 10 ngày. Bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh sau ngày 04/6/2022 đến nay bị đơn có trả khoản tiền vốn vay gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số nợ vay gốc 745.000.000 đồng, tính từ ngày 22/7/2022 đến ngày 29/9/2022 là phù hợp. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 22/7/2022 đến ngày 29/9/2022 như sau: 745.000.000 đồng

x 0,83%/tháng x 02 tháng 07 ngày = 13.809.000đồng.

[2.4]. Các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 745.000.000 đồng và tiền lãi là 13.809.000đồng, tổng cộng là 758.809.000 đồng.

[2.6] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Để đảm bảo cho việc thi hành án, tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.352.000đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyển xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T, cụ thể:

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền nợ vay gốc là 745.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 13.809.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng), tổng cộng là 758.809.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tám triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Ngọc T1 chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.352.000đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 16.900.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008004 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị Hồng T.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**